Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-30 15:11:17 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải

Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính

thuộc ngành Giao thông vận tải.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng cho các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý

---

[1] Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Nghị định số 64/2022/NĐ- CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng; Nghị định số 20/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý hoạt động bay;

Căn cứ Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ- CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 64/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng."

nhà nước của ngành Giao thông vận tải.

2. Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thuộc ngành Giao thông vận tải phải kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh trước khi đưa vào sử dụng.

3. Quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

4. Việc thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức, cá nhân cung cấp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Giao thông vận tải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải.

2. Tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, cảng hàng không, sân bay, điều hành bay, kinh doanh vận tải trong việc cung cấp dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật.

3. Tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật.

4. Cơ quan, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thuộc ngành Giao thông vận tải hoặc bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải.

6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính thuộc ngành Giao thông vận tải

1. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ:

a) Làm căn cứ để xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính

(sau đây gọi là Nghị định số 135/2021/NĐ-CP);

b) Định mức quy định tại Thông tư này là mức tối đa tính trên đơn vị được giao quản lý, sử dụng;

c) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, tình hình thực tế và nguồn kinh phí được giao để quyết định số lượng phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, gồm:

a) Phụ lục I: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Phụ lục II: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường sắt;

c) Phụ lục III: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa;

d) Phụ lục IV: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông hàng hải;

đ) Phụ lục V: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông hàng không dân dụng.

Điều 4. Danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh thuộc ngành Giao thông vận tải

1. Việc kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trước khi đưa vào sử dụng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

2. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khi đưa vào sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về kiểm định, gồm:

a) Phương tiện đo độ dài;

b) Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới;

c) Phương tiện đo tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh;

d) Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở;

đ) Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh;

e) Phương tiện đo độ ồn;

g) Phương tiện đo nồng độ khí thải;

h) Phương tiện đo độ sâu của nước;

i) Phương tiện đo vận tốc dòng chảy của nước.

3. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khi đưa vào sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về hiệu chuẩn, gồm:

a) Thiết bị ghi đo bức xạ;

b) Thiết bị đo âm lượng;

c) Thiết bị đo cường độ ánh sáng;

d) Thiết bị đo độ rơ góc của vô lăng lái xe cơ giới;

đ) Phương tiện đo thủy bình;

e) Thước đo chiều cao đầu đấm móc nối;

g) Thước đo giang cách bánh xe trên một trục;

h) Thước đo đường kính bánh toa xe;

i) Thước đo gờ lợi, chiều dày đai bánh xe;

k) Đồng hồ bấm giây;

l) Thiết bị đo tải trọng trục bánh toa xe.

4. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ không quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trước khi đưa vào sử dụng phải bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá và đo lường.

Điều 5. Trang bị, thuê phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

1. Thẩm quyền quyết định trang bị, thuê phương tiện thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ:

a) Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải quyết định trang bị, thuê phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đối với Thanh tra Bộ;

b) Cục trưởng các cục quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải quyết định trang bị, thuê phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đối với các cục và cơ quan, đơn vị trực thuộc;

c) Việc trang bị, thuê phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đối với Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Thanh tra Sở Giao thông vận tải - Xây dựng (sau đây gọi chung là Thanh tra Sở Giao thông vận tải) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP.

2. Chế độ, kinh phí trang bị, thuê phương tiện thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng các cục quản lý nhà nước chuyên ngành

thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng (sau đây gọi chung là Sở Giao thông vận tải) lập kế hoạch, dự toán kinh phí đầu tư, mua sắm, trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ hoạt động của phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

1. Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ gồm có:

a) Thanh tra Bộ Giao thông vận tải;

b) Cục Đường bộ Việt Nam;

c) Cục Đường sắt Việt Nam; Phòng Thanh tra - An toàn, Đội Thanh tra - An toàn thuộc Cục Đường sắt Việt Nam;

d) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; Chi cục Đường thủy nội địa, Đội Thanh tra - An toàn trực thuộc Chi cục Đường thủy nội địa; Cảng vụ đường thủy nội địa, Đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa;

đ) Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải, Đại diện Cảng vụ hàng hải;

e) Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không, Đại diện Cảng vụ hàng không;

g) Thanh tra Sở Giao thông vận tải và Đội nghiệp vụ trực thuộc.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, sử dụng, vận hành phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

a) Quản lý, sử dụng, vận hành phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP;

b) Lập sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật, thời gian hoạt động của phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo mẫu Phụ lục VI và sổ giao, nhận phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ theo mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Yêu cầu, trách nhiệm của người sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

1. Đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP.

2. Sử dụng trang phục, cấp hiệu, đeo thẻ tên của cơ quan, đơn vị theo quy định khi sử dụng, vận hành phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

Chương III
QUY TRÌNH SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ

Điều 8. Quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ[2]

1. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chỉ được lắp đặt, sử dụng khi có quyết định, kế hoạch được phê duyệt của người có thẩm quyền.

2. Căn cứ kế hoạch thanh tra, kiểm tra được phê duyệt, đơn vị quản lý sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ lập kế hoạch sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết, phù hợp. Kế hoạch phải thể hiện rõ các nội dung: Thời gian, địa điểm, mục đích sử dụng; người sử dụng; tên phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

3. Quy trình, thao tác sử dụng, bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất và Quy chuẩn (nếu có).

4. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được giao, nhận theo kế hoạch làm việc; việc giao, nhận được ghi chép trong sổ giao, nhận phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

5. Kế hoạch sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ quy định có thể được xây dựng, phê duyệt trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra của đơn vị.

Điều 9. Quy trình xử lý kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

1. Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được ghi nhận bằng văn bản, bảo đảm các thông tin cơ bản quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP.

2. Trường hợp kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đã xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm thì người có thẩm quyền đang thụ lý giải quyết vụ việc tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

3. Trường hợp kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chưa xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm thì người có thẩm quyền thực hiện:

a) Tiến hành xác định thông tin về tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính thông qua các nguồn: Cơ sở dữ liệu về đăng ký, đăng kiểm phương tiện; cơ sở dữ liệu về giấy phép, bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; hệ thống giám sát và điều phối giao thông; hệ thống nhận dạng tự động tàu thuyền (AIS); hệ thống thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa của tàu thuyền (LRIT);

b) Ngay sau khi xác định được thông tin về tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản này, người có thẩm quyền

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 64 của Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

đang thụ lý giải quyết vụ việc gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính đến trụ sở cơ quan, đơn vị để giải quyết vụ việc theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định khi xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm.

4. Chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Hình thức chuyển kết quả: Trực tiếp; qua hệ thống bưu chính; email công vụ; hệ thống quản lý, điều hành thanh tra ngành Giao thông vận tải;

b) Nguyên tắc chuyển kết quả:

Thanh tra Bộ Giao thông vận tải chuyển cho các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Giao thông vận tải.

Các cục quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải chuyển cho các đơn vị trực thuộc có thẩm quyền xử phạt; trường hợp không có đơn vị trực thuộc có thẩm quyền xử phạt đóng trên địa bàn nơi tổ chức, cá nhân vi phạm đóng trụ sở, cư trú thì chuyển cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải có thẩm quyền xử phạt.

Cảng vụ chuyển cho đại diện cảng vụ trực thuộc, cơ quan cảng vụ cùng cấp có thẩm quyền xử phạt.

Thanh tra Sở Giao thông vận tải chuyển cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải tại địa phương khác.

Đội nghiệp vụ thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải, bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành thuộc cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, đại diện cảng vụ chuyển cho đơn vị cùng cấp thuộc cùng cơ quan.

Chương IV
THU THẬP, SỬ DỤNG DỮ LIỆU THU ĐƯỢC TỪ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT DO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CUNG CẤP

Điều 10. Tiếp nhận, thu thập dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức, cá nhân cung cấp

1. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu:

a) Cục Đường bộ Việt Nam, Thanh tra Sở Giao thông vận tải và đội nghiệp vụ trực thuộc tiếp nhận, thu thập dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức, cá nhân cung cấp đối với các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền xử phạt;

b) Cục Đường sắt Việt Nam, bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành đường sắt, Thanh tra Sở Giao thông vận tải và đội nghiệp vụ trực

thuộc tiếp nhận, thu thập dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức, cá nhân cung cấp đối với các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường sắt thuộc thẩm quyền xử phạt;

c) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi cục Đường thủy nội địa, bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa, Cảng vụ Đường thủy nội địa và các đại diện trực thuộc, Thanh tra Sở Giao thông vận tải và đội nghiệp vụ trực thuộc tiếp nhận, thu thập dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức, cá nhân cung cấp đối với các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền xử phạt;

d) Cục Hàng hải Việt Nam, Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ hàng hải và các đại diện trực thuộc tiếp nhận, thu thập dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức, cá nhân cung cấp đối với các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông hàng hải thuộc thẩm quyền xử phạt;

đ) Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không và các đại diện trực thuộc tiếp nhận, thu thập dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức, cá nhân cung cấp đối với các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông hàng không dân dụng thuộc thẩm quyền xử phạt.

2. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 19 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP và gửi văn bản thông báo kết quả xác minh, xử lý dữ liệu cho cá nhân, tổ chức đã cung cấp nếu cá nhân, tổ chức đó có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trình tự tiếp nhận, thu thập và xử lý dữ liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP và các nội dung sau:

a) Ghi Sổ theo dõi tiếp nhận, xử lý dữ liệu phản ánh theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

Các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, thu thập dữ liệu có thể sử dụng phần mềm theo dõi, xử lý các dữ liệu tiếp nhận nhưng phải bảo đảm các nội dung tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Người tiếp nhận dữ liệu thực hiện phân loại, đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu của dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP, báo cáo người có thẩm quyền để xử lý dữ liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Xác minh dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp và kết luận vụ việc

1. Trường hợp thông tin, dữ liệu cung cấp đã xác định được tổ chức, cá nhân bị phản ánh vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền tiến hành xác minh theo các bước quy định tại Điều 21 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP;

2. Trường hợp dữ liệu cung cấp chưa xác định được tổ chức, cá nhân bị phản ánh vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền tiến hành xác định thông tin về tổ chức, cá nhân bị phản ánh vi phạm hành chính thông qua các nguồn được

quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

3. Kết quả xác minh và kết luận vụ việc phải được ghi chép trong sổ theo dõi tiếp nhận, xử lý thông tin, dữ liệu phản ánh; gửi cho tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

Điều 12. Tiếp nhận và sử dụng kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, cảng hàng không, sân bay, điều hành bay, kinh doanh vận tải cung cấp

1. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này tiếp nhận thông tin, dữ liệu từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật quy định tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm xử lý dữ liệu theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP.

2. Kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật phải đảm bảo tính chính xác, được ghi nhận bằng văn bản và gồm các thông tin cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP.

3. Tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, cảng hàng không, sân bay, điều hành bay, kinh doanh vận tải khi cung cấp kết quả thu được từ thiết bị cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới, thiết bị đo tải trọng trục bánh toa xe, thiết bị ghi âm và ghi hình, hệ thống camera giám sát an ninh, điều hành giao thông, camera lắp trên phương tiện kinh doanh vận tải, thiết bị ghi tham số bay, hệ thống ghi dữ liệu tàu bay, hệ thống phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật bảo đảm theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP;

b) Phương tiện, thiết bị kỹ thuật được sử dụng phải bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa và đo lường;

c) Quy trình, thao tác, sử dụng, bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật phải thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất;

d) Khi phát hiện vi phạm từ dữ liệu thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền xử phạt, tổ chức có phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải cung cấp dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 01 ngày làm việc.

Chương V
TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tập huấn về quy trình, thao tác sử dụng, bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; phương tiện, thiết bị kỹ thuật

1. Đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ có trách nhiệm:

a) Tổ chức tập huấn về quy trình, thao tác sử dụng, bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho người sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thuộc đơn vị mình;

b) Lập và lưu trữ hồ sơ tập huấn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP, gồm: Kế hoạch, nội dung, thời gian tập huấn; tài liệu tập huấn; danh sách người thực hiện tập huấn, người được tập huấn; kết quả tập huấn.

2. Tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, cảng hàng không, sân bay, điều hành bay, kinh doanh vận tải có trách nhiệm:

a) Tổ chức tập huấn về quy trình, thao tác sử dụng, bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật cho người sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật thuộc đơn vị mình;

b) Lập và lưu trữ hồ sơ tập huấn, gồm: Kế hoạch, nội dung, thời gian tập huấn; tài liệu tập huấn; danh sách người thực hiện tập huấn, người được tập huấn; kết quả tập huấn.

Điều 14. Chế độ báo cáo

Thanh tra Bộ, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Sở Giao thông vận tải báo cáo Bộ Giao thông vận tải tình hình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, chi tiết như sau:

1. Tên báo cáo: Tình hình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

2. Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

3. Phương thức gửi báo cáo, nhận báo cáo: Báo cáo định kỳ được thể hiện dưới hình thức văn bản hoặc bản điện tử, được gửi bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc cập nhật dữ liệu trên phần mềm quản lý.

4. Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng năm.

5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo.

6. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm thuộc kỳ báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Hiệu lực thi hành[3]

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

---

[3] Điều 65 của của Thông tư số 71/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, hàng không dân dụng và thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định như sau:

2. Bãi bỏ Thông tư số 06/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và sử dụng kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

3. Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đã được trang bị, sử dụng trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 nếu vẫn đáp ứng các yêu cầu quy định tại Nghị định số 135/2021/NĐ-CP thì tiếp tục sử dụng để phát hiện và xử lý vi phạm hành chính.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ XÂY DỰNG

Số: 31/VBHN-BXD

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Sinh

"Điều 65. Điều khoản thi hành
Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2025"

Phụ lục I

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ PHÁT HIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên phương tiện, thiết bị/đơn vị tính *(cái hoặc bộ)*	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng				Ghi chú
		Thanh tra Bộ Giao thông vận tải	Cục đường Bộ Việt Nam[1]	Cơ quan Thanh tra Sở Giao thông vận tải[2]	Đội nghiệp vụ Thanh tra Sở Giao thông vận tải[3]	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	Phương tiện đo độ dài	-	2	2	2	
2	Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới	-	1	1	1	
3	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	-	1	1	1	
4	Thiết bị ghi âm và ghi hình	2	2	2	2	
5	Phương tiện đo độ ồn	-	1	1	1	
6	Thiết bị đo âm lượng	-	1	1	1	
7	Phương tiện đo nồng độ khí thải	-	1	1	1	
8	Phương tiện đo độ khói	-	1	1	1	
9	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	-	1	1	1	
10	Thiết bị phát hiện giấy tờ, tài liệu giả	-	1	1	1	
11	Thiết bị trích xuất dữ liệu thông tin từ thiết	-	1	1	1	

	bị giám sát hành trình.					
12	Thiết bị trích xuất dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô kinh doanh vận tải	-	1	1	1	
13	Máy vi tính, máy tính bảng lưu trữ kết quả thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ	1	1	1	1	

**** Ghi chú:*** Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trang bị cho Thanh tra Bộ Giao thông vận tải để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sử dụng chung để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không dân dụng.

---

[1]Định mức đối đa được tính trên 05 công chức thanh tra chuyên ngành của Cục Đường bộ Việt Nam.

[2]Thanh tra Sở không thành lập các đội nghiệp vụ được trang bị tối đa 02 cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới.

[3]Đối với đội nghiệp vụ có từ 20 người trở lên: Định mức tối đa được tính trên 05 công chức thanh tra chuyên ngành.

Phụ lục II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ PHÁT HIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên phương tiện, thiết bị/đơn vị tính *(cái hoặc bộ)*	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng					Ghi chú
		Cơ quan Cục Đường sắt Việt Nam	Phòng Thanh tra - An toàn	Đội thanh tra - An toàn	Cơ quan Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Đội nghiệp vụ thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải[4]	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Phương tiện đo độ dài	2	2	2	2	2	
2	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	1	1	1	1	1	
3	Thiết bị ghi âm và ghi hình	2	2	2	2	2	
4	Thiết bị đo, thử chất ma túy	1	1	1	1	1	
5	Phương tiện đo tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh	1	1	1	1	1	
6	Phương tiện đo thủy bình	1	1	1	1	1	
7	Thước đo chiều cao đầu đấm móc nối	1	1	1	1	1	
8	Thước đo giang cách bánh xe trên một trục	1	1	1	1	1	
9	Thước đo đường kính bánh xe	1	1	1	1	1	
10	Thước đo gờ lợi, chiều dày đai bánh xe	1	1	1	1	1	
11	Thiết bị phát hiện giấy tờ, tài liệu giả	1	1	1	1	1	

12	Đồng hồ bấm giây	1	1	1	1	1	
13	Phương tiện đo độ ồn	1	1	1	1	1	
14	Thiết bị đo âm lượng	1	1	1	1	1	
15	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	1	1	1	1	1	
16	Thiết bị đo tải trọng trục bánh toa xe	1	1	1	1	1	
17	Thiết bị trích xuất dữ liệu thông tin từ thiết bị giám sát hành trình	1	1	1	1	1	
18	Hệ thống giám sát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông; hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, điều hành giao thông	1	1	1	1	1	
19	Máy vi tính, máy tính bảng lưu trữ kết quả thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ	1	1	1	1	1	

**** Ghi chú:*** Không trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải và Đội nghiệp vụ thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải trong trường hợp phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đó đã được trang bị đối với lĩnh vực đường bộ hoặc đường thủy nội địa.

---

[4]Đối với đội nghiệp vụ có từ 20 người trở lên: Định mức tối đa được tính trên 05 công chức thanh tra chuyên ngành.

Phụ lục III

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ PHÁT HIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên phương tiện, thiết bị/ đơn vị tính *(cái hoặc bộ)*	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng							Ghi chú
		Cơ quan Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Cơ quan Chi cục Đường thủy nội địa	Đội Thanh tra an toàn thuộc Chi cục Đường thủy nội địa	Cơ quan Cảng vụ Đường thủy nội địa	Đạidiện Cảng vụ Đường thủy nội địa	Cơ quan Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Đội nghiệp vụ thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải[5]	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1	Phương tiện đo độ dài	2	2	2	2	2	2	2	
2	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	1	1	2	1	2	1	2	
3	Thiết bị ghi âm và ghi hình	2	2	2	2	2	2	2	
4	Thiết bị đo, thử chất ma túy	1	1	2	1	2	1	2	
5	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	1	1	2	1	2	1	2	
6	Thiết bị phát hiện giấy tờ, tài liệu giả	1	1	2	1	2	1	2	
7	Phương tiện đo độ sâu của	1	1	2	1	2	1	2	

	nước								
8	Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh	1	1	2	1	2	1	2	
9	Phương tiện đo tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh	1	1	2	1	2	1	2	
10	Phương tiện đo vận tốc dòng chảy	1	1	2	1	2	1	2	
11	Thiết bị đo vận tốc gió	1	1	2	1	2	1	2	
12	Thiết bị đo độ dày vỏ tàu	1	1	2	1	2	1	2	
13	Phương tiện đo nồng độ khí thải	1	1	2	1	2	1	2	
14	Phương tiện đo độ ồn	1	1	2	1	2	1	2	
15	Thiết bị đo âm lượng	-	1	2	1	2	1	2	
16	Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới	-	-	-	-	-	1	2	
17	Thiết bị trích xuất dữ liệu thông tin từ thiết bị giám sát hành trình	1	1	2	1	2	1	2	
18	Hệ thống giám sát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông; hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, điều hành	1	1	2	1	2	1	2	

	giao thông								
19	Máy vi tính, máy tính bảng lưu trữ kết quả thu thập được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ	1	1	2	1	2	1	2	

**** Ghi chú:*** Không trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho Thanh tra Sở Giao thông vận tải và Đội nghiệp vụ thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải trong trường hợp phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đó đã được trang bị đối với lĩnh vực đường bộ hoặc đường sắt.

---

[5] Đối với đội nghiệp vụ có từ 20 người trở lên: Định mức tối đa được tính trên 05 công chức thanh tra chuyên ngành.

Phụ lục IV

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ PHÁT HIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên phương tiện, thiết bị/đơn vị tính *(cái hoặc bộ)*	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng			Ghi chú
		Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam	Cơ quan Cảng vụ hàng hải	Đại diện Cảng vụ hàng hải	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	Phương tiện đo độ dài	2	2	2	
2	Thiết bị ghi âm và ghi hình	2	1	1	
3	Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh	1	1	1	
4	Thiết bị phát hiện giấy tờ, tài liệu giả	1	1	1	
5	Phương tiện đo độ sâu của nước	1	1	1	
6	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	1	1	1	
7	Phương tiện đo tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh	1	1	1	
8	Phương tiện đo nồng độ khí thải	1	1	1	
9	Phương tiện đo cường độ ánh sáng	1	1	1	
10	Phương tiện đo vận tốc dòng chảy	1	1	1	
11	Phương tiện đo nhanh nước thải, mặt nước	1	1	1	
12	Phương tiện phân tích nước thải, nước mặt và chất lỏng	1	1	1	
13	Máy vi tính, máy tính bảng lưu trữ kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ	1	1	1	

Phụ lục V

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ PHÁT HIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên phương tiện, thiết bị/đơn vị tính *(cái hoặc bộ)*	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng			Ghi chú
		Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam	Cơ quan Cảng vụ hàng không	Đại diện Cảng vụ hàng không	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	Phương tiện đo độ dài	1	3	1	
2	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	1	3	1	
3	Thiết bị ghi âm và ghi hình	1	3	1	
4	Thiết bị đo, thử chất ma túy	1	2	1	
5	Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh	-	2	1	
6	Thiết bị phát hiện giấy tờ, tài liệu giả	1	2	1	
7	Phương tiện đo tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh	1	3	1	
8	Phương tiện đo nồng độ khí thải	1	1	1	
9	Phương tiện đo độ ồn	-	2	1	
10	Thiết bị đo âm lượng	-	2	1	
11	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	-	1	1	
12	Thiết bị đo khoảng cách	1	3	1	
13	Máy vi tính, máy tính	1	2	1	

	bảng lưu trữ kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ				

Phụ lục VI

SỔ THEO DÕI TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Phương tiện, thiết bị				Kiểm định/hiệu chuẩn		Sửa chữa, bảo dưỡng		Tình trạng kỹ thuật		Ghi chú
	Tên	Năm sản xuất, xuất xứ	Ký hiệu, chủng loại	Thời gian đưa vào sử dụng	Ngày thực hiện	Ngày hết hạn	Nội dung	Thời gian thực hiện	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1											
2											

Người lập

...., Ngày….tháng …..năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

**** Ghi chú:***

- Sổ này được thủ trưởng đơn vị ký xác nhận vào ngày thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm tình hình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

- Cột (5): Ghi ngày, tháng, năm đưa phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ vào sử dụng.

- Cột (8): Ghi rõ các hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng.

- Cột (9): Ghi cụ thể ngày, tháng, năm bắt đầu đến ngày, tháng, năm kết thúc sửa chữa, bảo dưỡng.

Phụ lục VII

***SỔ GIAO, NHẬN PHƯƠNG* TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Thời gian giao, nhận	Địa điểm giao, nhận	Tên phương tiện, thiết bị	Tình trạng phương tiện, thiết bị tại thời điểm giao, nhận	Người giao		Người nhận		Ghi chú
					Họ và tên	Ký tên	Họ và tên	Ký tên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1									
2									

**** Ghi chú:***

- Sổ này được sử dụng cho mỗi lần giao, nhận từng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

- Cột (5): Ghi rõ tình trạng hoạt động của phương tiện, thiết bị (hoạt động bình thường, các hỏng hóc, tình trạng tem kiểm định (nếu có) ....).

Phụ lục VIII

THÔNG BÁO YÊU CẦU TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VI PHẠM ĐẾN TRỤ SỞ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỂ GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1): ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2): …….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____
Số: ……	…(3)…, ngày….tháng…năm…

THÔNG BÁO

Yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm đến trụ sở cơ quan, đơn vị để giải quyết vụ việc

Kính gửi:….. (4)….

Hồi ... giờ ... ngày…./…./…..,tại (địa điểm) .....……

(5)…..đã sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (ghi rõ loại phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ) hoặc tiếp nhận kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của ..(6)..., phát hiện và ghi nhận:

Phương tiện (ghi rõ loại, số đăng ký.): .....

Chủ phương tiện: .....

Địa chỉ: .....

Có hành vi vi phạm: .....

…….; được quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày …/…./…. của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông ……

Biện pháp ngăn chặn được áp dụng (nếu có) .....

Yêu cầu chủ phương tiện hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm đúng...giờ…. ngày.../.../...có mặt tại trụ sở…., để giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định của pháp luật.

Khi đến giải quyết phải mang theo thông báo này và các giấy tờ có liên quan đến phương tiện vi phạm và người điều khiển phương tiện.

Nếu quá thời gian trên, người được yêu cầu không đến để giải quyết vụ việc vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...(7)...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**** Ghi chú:***

(1) Cơ quan chủ quản.

(2) Cơ quan của người ra thông báo.

(3) Địa danh.

(4) Chủ phương tiện.

(5) Đơn vị phát hiện vi phạm.

(6) Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, cảng hàng không, sân bay, điều hành bay, kinh doanh vận tải trong việc cung cấp dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật.

(7) Hồ sơ xử lý vi phạm.

Phụ lục IX
THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÁC MINH, XỬ LÝ DỮ LIỆU CHO CÁ NHÂN, TỔ CHỨC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1): ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2): …….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	…(3)…, ngày….tháng…năm…

THÔNG BÁO
Kết quả xác minh, xử lý dữ liệu do tổ chức, cá nhân cung cấp

Kính gửi:….(4)……

Hồi ... giờ ... ngày …../…./….(5)……. Đã tiếp nhận thông tin, dữ liệu phản ánh vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông do ……(4)…. cung cấp hoặc đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội. Kết quả xác minh, xử lý như sau:

1. Có vi phạm:

- Tên tổ chức, cá nhân vi phạm: .....

- Thời gian, địa điểm vi phạm: .....

- Hành vi vi phạm: .....

- Kết quả xử lý vi phạm (số tiền xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả.): .....

2. Không vi phạm hoặc không đủ căn cứ để xác định vi phạm (6): .....

…..(5)….. thông báo cho …..(4)….. biết ..... kết quả kiểm tra, xác minh như trên./.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
- Như trên;	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
- Lưu:...(7)...	

**** Ghi chú:***

(1) Cơ quan chủ quản.

(2) Cơ quan của người ra thông báo.

(3) Địa danh.

(4) Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu.

(5) Đơn vị tiếp nhận thông tin, dữ liệu phản ánh vi phạm.

(6) Nêu căn cứ để kết luận việc không vi phạm hoặc không đủ căn cứ xác định vi phạm.

(7) Hồ sơ xử lý.

Phụ lục X

SỔ THEO DÕI TIẾP NHẬN, XỬ LÝ DỮ LIỆU PHẢN ÁNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Thời gian tiếp nhận	Tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc tên phương tiện thông tin đại chúng đăng tải, mạng xã hội			Loại thông tin phản ánh	Hành vi, thời gian, địa điểm vi phạm	Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân bị phản ánh vi phạm	Đại diện tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin *(ký tên trong trường hợp cung cấp trực tiếp)*	Người tiếp nhận *(ký tên)*	Kết quả xác minh, xử lý				Ghi chú
										có vi phạm			Không vi phạm hoặc không đủ căn cứ để xác định vi phạm	
		Tên	Địa chỉ, số điện thoại liên hệ	Yêu cầu thông báo kết quả xác minh						Hành vi vi phạm	Tổ chức, cá nhân vi phạm	Kết quả xử lý vi phạm		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1														
2														

**** Ghi chú:***

- Cột (2): Ghi rõ giờ, phút, ngày, tháng, năm.

- Cột (5): Ghi "có" hoặc "không" trong trường hợp có hoặc không có yêu cầu thông báo kết quả xác minh.

- Cột (9): Để trống trong trường hợp tổ chức, cá nhân cung cấp từ chối ký tên.

- Cột (13): Ghi cụ thể kết quả xử lý (số tiền xử phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, …).
- Cột (14): Ghi cụ thể "không vi phạm" hoặc "không đủ căn cứ".

Phụ lục XI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1): …..….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2): ……. ….	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
_____	_____
Số: …….	…(3)…., ngày…tháng…năm….

BÁO CÁO

Tình hình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

(Kỳ báo cáo ....(4)…)

_____

Kính gửi:….(1)….

....(2)... báo cáo tình hình quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tại đơn vị như sau:

TT	Tên phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ	Số lượng		Tình trạng hoại		động	Ghi chú
		Được trang bị	Thuê	Số lượng hoạt động bình thường	Số lượng hỏng	Số lượng hết hạn kiểm định, hiệu chuẩn	

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:…

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**** Ghi chú:***

(1) Cơ quan chủ quản.
(2) Cơ quan báo cáo.
(3) Địa danh.
(4) Ghi rõ kỳ báo cáo "6 tháng", "năm"